

Bản án số: 221/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 9 – 2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Liêm

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 503/2024/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Tuyết P**, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.**

Chị **Lê Tuyết P** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 06/9/2024.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: **Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2024 và các lời khai tại Tòa án chị **Lê Tuyết P** (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Đ** có đăng ký kết hôn ngày 13/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã **P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu**. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cự cãi, không có tiếng nói chung trong gia đình, không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân từ năm 2020. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh **Đ**.

Về con chung: Chị và anh **Đ** có con chung là **Lê Nguyễn Như T**, sinh ngày 13/6/2016, hiện con đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Lê Nguyễn Như T** do cháu bị khuyết tật nặng. Chị không yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Chị và anh Đ không có nợ thu, nợ trả chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn Đ, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu khởi kiện của chị P nhưng anh Đ không có ý kiến. Tòa án thông báo để anh Đ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh Đ vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa anh, chị được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Phía anh Đ được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh Đ vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*

Tranh chấp giữa chị P và anh Đ là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Chị P và anh Đ chung sống có đăng ký kết hôn ngày 13/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận kết hôn số 771/2015, ngày 13/7/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị P yêu cầu được ly hôn với anh Đ, với nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử anh Đ không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại phiên tòa để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị P, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho anh Đ. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị P và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đã sống ly thân thời gian dài nhưng vẫn không hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị P được ly hôn với anh Đ là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung:* Chị P và anh Đ có con chung là cháu Lê Nguyễn Như T, sinh ngày 13/6/2016, hiện cháu đang sống với chị P. Sau khi ly hôn, chị P yêu cầu tiếp tục

nuôi dưỡng cháu **Lê Nguyễn Như T** do cháu bị khuyết tật nặng (Sức khỏe, tinh thần không ổn định), có nhận trợ cấp xã hội hàng tháng. Phía anh **Đ** không có ý kiến yêu cầu nuôi con. Xét thấy, chị **P** có đầy đủ điều kiện nuôi dạy, có xác nhận của chính quyền địa phương đang chăm sóc nuôi dưỡng cháu **T** tốt, cháu **T** sống với chị **P** đã ổn định nên yêu cầu nuôi con của chị **P** là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **P**, giao cháu **Lê Nguyễn Như T**, sinh ngày 13/6/2016 cho chị **P** được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **P** không yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung:* Chị **P** xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Phía anh **Đ** không có yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] *Về nợ thu, nợ trả chung:* Chị **P** xác định không có nợ thu, nợ trả chung nên không yêu cầu giải quyết. Phía anh **Đ** không có yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này, chị **P** và anh **Đ** có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị **P** phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Tuyết P**.

1. *Về hôn nhân:* Chị **Lê Tuyết P** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn Đ**.

2. *Về con chung:* Giao cho **Lê Tuyết P** được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Lê Nguyễn Như T**, sinh ngày 13/6/2016. Anh **Nguyễn Văn Đ** không cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh **Nguyễn Văn Đ** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Lê Tuyết P** phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013554, ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, chị **P** đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị **Lê Tuyết P** và anh **Nguyễn Văn Đ** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA.TAND tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã Phong Thạnh Tây B;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng